

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ HA LÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2024

Bình Dương, ngày 03 tháng 04 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

- Mã chứng khoán: HLO
- Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0274.7301718 Fax: 02743.639738
- E-mail: fnc@halo.net.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

CTCP Công nghệ Ha Lô công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/04/2024 tại đường dẫn <https://www.halo.net.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

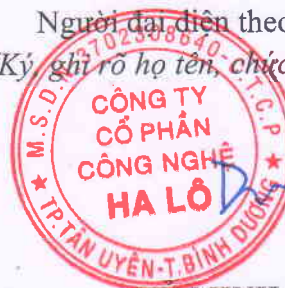
**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2023

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KY MINH DU

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
[www.halo.net.vn](http://www.halo.net.vn)



# MỤC LỤC

## PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 08 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 11 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 15 Các rủi ro

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 20 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 22 Tổ chức và nhân sự
- 28 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 28 Tình hình tài chính
- 32 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 34 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 40 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 44 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 46 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

## PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 50 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 50 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 50 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 54 Hội đồng quản trị
- 60 Ban kiểm soát
- 62 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 68 Ý kiến kiểm toán
- 70 Báo cáo tài chính



# 1 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị,  
Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ
<b>Tên Tiếng Anh</b>	: HA LO TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: HA LO TECHNOLOGIES JSC
<b>Vốn điều lệ</b>	: 80.000.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	: 80.000.000.000 đồng
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN</b>	: 3702308640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 24/04/2023
<b>Địa chỉ</b>	: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
<b>Số điện thoại</b>	: 0274.7301718
<b>Số fax</b>	: 02743.639738
<b>Website</b>	: <a href="http://www.halo.net.vn">www.halo.net.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	: HLO

Logo



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2014

- Ngày 16/10/2014, CTCP Công nghệ Ha Lô được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 10 (mười) tỷ đồng.
- Trụ sở chính Công ty tại bản đồ 38, Đường ĐT 747B, Tổ 6, Ấp Khánh Vân, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Giai đoạn thành lập, Công ty có 4 cổ đông sáng lập là Bà Tôn Nữ Bảo Vy, Khương Cẩm Sáng, Lê Thị Hồng Thắm, Hà Lệ Phương và được điều hành bởi Bà Tôn Nữ Bảo Vy.
- Hoạt động kinh doanh lúc này của Công ty chủ yếu tập trung mảng mua bán các loại hóa chất xử lý bề mặt kim loại.

2015

Ngày 27/07/2015, Công ty thay đổi trụ sở chính sang Thửa Đất số 575 và thửa 87 (nay là Thửa đất số 1616), Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2016

Công ty xây dựng nhà xưởng với quy mô hiện đại, tối đa hóa tự động và bắt đầu mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực mua bán, sản xuất, thi công, lắp đặt các thiết bị công nghiệp phục vụ cho ngành xi mạ như: dây chuyền xi mạ, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc không khí...

2017

Ngày 01/01/2017, nhà xưởng của Công ty được hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động với công suất trung bình 2.500 hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm mỗi năm. Giữa năm 2017, Công ty xuất bán lô hệ thống xi mạ đầu tiên.

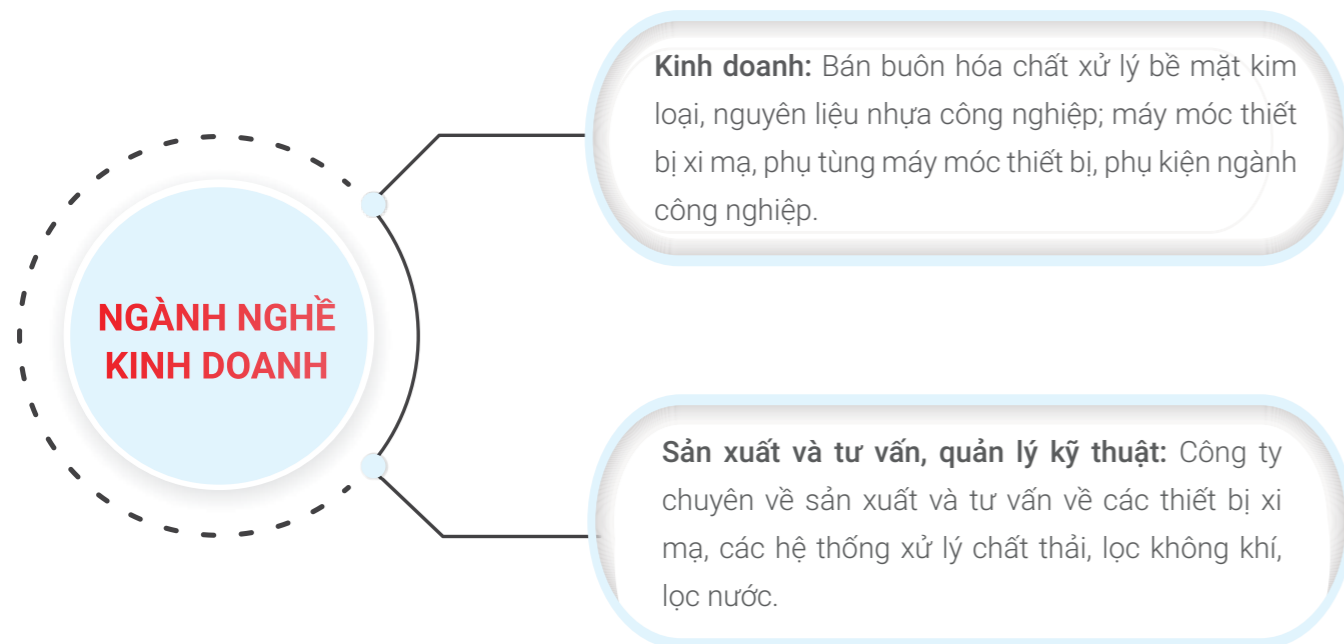
2018

Sau một thời gian nhà xưởng hoạt động, Công ty có nhiều hợp đồng giá trị lớn mang lại doanh thu, lợi nhuận cao.

2023

- Căn cứ Công văn số 3042/UBCK-GSĐC ngày 24/05/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty chính thức được chấp thuận trở thành công ty đại chúng. Từ đó, khẳng định và cam kết tính minh bạch của Công ty.
- Ngày 11/07/2023, Công ty được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2023/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lần đầu là 8 (tám) triệu cổ phiếu và được cấp mã chứng khoán là HLO.
- Chiến lược phát triển: giữ vững và phát triển thị trường nội địa cũng như xuất khẩu.
- Tính đến hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 80 (tám mươi) tỷ đồng. Công ty tập trung vào phát triển bền vững, bảo toàn vốn và không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm.

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



## ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Địa bàn hoạt động

Công ty tọa lạc tại Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. HLO sở hữu Xưởng sản xuất với diện tích 8.615 m<sup>2</sup> tại Bình Dương, được lắp đặt nhiều trang thiết bị hiện đại với quy mô vừa và lớn.

### Thị trường

- **Nội địa:** Công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ở các tỉnh và thành phố như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Hà Nội, Đồng Nai, Đà Nẵng, Bắc Giang,...
- **Xuất khẩu:** Các thị trường mục tiêu của Công ty là Thái Lan, Indonesia,...



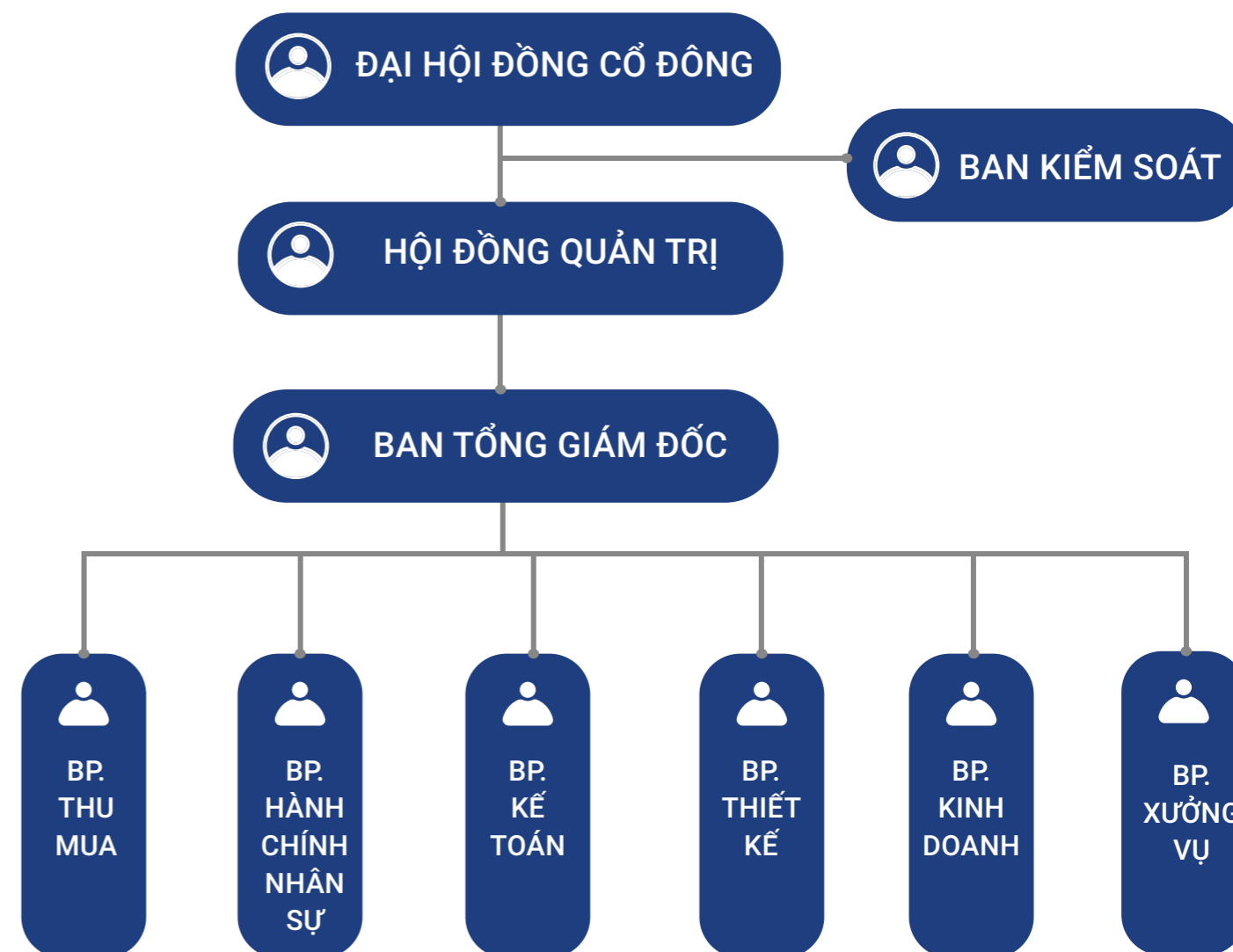
INDONESIA



THAILAND

## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

### Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên, Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán – kiểm toán. Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

### Các phòng, ban chức năng

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban TGD Công ty trong hoạt động SXKD của Công ty.

### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 10 thành viên, là cơ quan quản lý của Công ty. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán.

### Ban Tổng Giám đốc

TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ trong việc điều hành Nova Consumer nhằm đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động hiệu quả, vì lợi ích của Công ty, các Cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó, TGD thực hiện vai trò xây dựng và đưa ra các khuyến nghị định hướng chiến lược; xây dựng và đưa ra khuyến nghị kế hoạch kinh doanh, ngân sách; phát triển nguồn nhân lực và hoạt động điều hành, quản lý doanh nghiệp tuân thủ, hiệu quả; thực hiện hoạt động kinh doanh để đạt được chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

## TỔ CHỨC KINH DOANH

### BỘ PHẬN HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Định biên cơ cấu tổ chức, quản lý nhân sự: tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, điều chuyển. Thiết lập các quy chế về tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương và các chế độ chính sách khác đối với người lao động theo quy định của Công ty, của pháp luật.

### BỘ PHẬN KẾ TOÁN

Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo tài chính. Quản lý, kiểm soát hệ thống thống kê, kế toán trong toàn Công ty.

### BỘ PHẬN THIẾT KẾ

Căn cứ vào nhu cầu khách hàng để thiết kế sản phẩm phù hợp, làm căn cứ để bộ phận sản xuất tiến hành sản xuất.

### BỘ PHẬN KINH DOANH

Tim hiểu khách hàng, mở rộng thị trường và phụ trách việc bán hàng nhằm đạt được kế hoạch đề ra. Đồng thời, Bộ phận kinh doanh chịu trách nhiệm chăm sóc khách hàng sau khi bán.

### BỘ PHẬN XỬ LÝ VỤ

Tiếp nhận lệnh sản xuất, tạo ra sản phẩm để hoàn thành đơn hàng.

### BỘ PHẬN THU MUA

Mua hàng: Đề nghị mua hàng, yêu cầu cung cấp báo giá, thương lượng giá, xác nhận đơn đặt hàng, nhận hàng, kiểm tra chất lượng, quy cách, nhập kho, thanh toán.  
Quản lý nhà cung ứng: Khai thác nhà cung ứng, xác định nhà cung ứng đạt yêu cầu, đánh giá định kỳ hiệu quả nhà cung ứng.

## CÔNG TY CON

Công ty không có Công ty con

## CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty liên kết





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp hệ thống dây chuyền, phụ kiện, thiết bị xi mạ và dịch vụ khác phục vụ ngành xi mạ
- Xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tình trong công tác chăm sóc khách hàng và lực lượng công nhân tay nghề cao, tạo ra sản phẩm có uy tín, chất lượng cao.
- Củng cố và nâng cao trình độ quản lý của đội ngũ điều hành.



### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG DÀI HẠN

- Nâng cao năng lực và tay nghề cho toàn bộ nhân viên để xây dựng một lực lượng lao động vững mạnh; Thiết kế định hướng và chính sách hấp dẫn cho các nhân viên có thành tích tốt nhằm giữ chân nguồn lao động có chuyên môn cao.
- Tiến hành nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên tiến để vận hành quy trình hiệu quả, tối ưu chi phí sản xuất. Đồng thời, sự đổi mới trong công nghệ sản xuất giúp gia tăng chất lượng sản phẩm, đáp ứng những nhu cầu khắt khe của khách hàng.
- Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với từng thời điểm để phòng ngừa rủi ro trong giai đoạn khó khăn cũng như nắm bắt cơ hội trong chu kỳ tăng trưởng, tập trung nguồn lực vào các hoạt động hiệu quả thay vì đầu tư tràn lan.

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Công ty chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến môi trường, đồng thời cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tiêu chuẩn xanh, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững cho cả các doanh nghiệp khác.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách liên quan đến người lao động đúng theo quy định Nhà nước và cơ chế đảm bảo an sinh xã hội tốt. Các hoạt động đào tạo và phát triển sự nghiệp cho cán bộ nhân viên cũng được chú trọng nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài.
- Bên cạnh tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh, Công ty hướng đến sự phát triển chung của cộng đồng xung quanh, triển khai những đóng góp thiết thực cho khu vực lân cận nơi Công ty hoạt động sản xuất.

## CÁC RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê (GSO), Tổng sản lượng quốc nội (GDP) Việt Nam năm 2023 đạt 430 tỷ USD, tăng 5,05% so với cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng hiện hành thấp hơn so với mức tăng trưởng vào năm 2022 cho thấy sự phục hồi chậm của nền kinh tế sau giai đoạn nhiều thách thức như dịch bệnh, chiến tranh Nga – Ukraine, chính sách Zero Covid của Trung Quốc,...

Ngành sản xuất công nghiệp năm 2023 tuy có những chuyển biến tích cực hơn năm trước nhưng đà phục hồi vẫn còn chậm. Cũng theo GSO, giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp năm vừa qua tăng 3,02%, thấp hơn mức tăng trưởng 7,69% của năm trước. Vì vậy, những doanh nghiệp cung cấp thiết bị phụ trợ cho sản xuất như Ha Lô khó tránh khỏi áp lực thiếu đơn đặt hàng từ các công ty công nghiệp khác.

Để ứng phó trước sự biến động của nền kinh tế, đội ngũ nghiên cứu và phân tích thị trường liên tục theo dõi diễn biến thị trường, sự thay đổi các yếu tố vĩ mô và vĩ mô,... Từ đó, Ban lãnh đạo dựa trên báo cáo để đưa ra các chiến lược về sản xuất và tích trữ hàng tồn kho hiệu quả hơn.



### RỦI RO PHÁP LUẬT

Những sự thay đổi trong hệ thống chính sách, pháp luật của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến diễn biến của nền kinh tế nói chung và ngành xi mạ nói riêng. Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô phải tuân thủ khung pháp lý của Việt Nam, chịu tác động khi có sự thay đổi của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan và các đạo luật liên quan khác. Là một công ty đại chúng, Công ty còn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật chứng khoán nhằm bảo đảm sự minh bạch cũng như quyền và lợi ích của

nhà đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro pháp luật, Ban lãnh đạo ban hành các quy chế và hướng dẫn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của Công ty. Những thay đổi trong luật pháp liên quan luôn được cập nhật liên tục, từ đó Công ty điều chỉnh quy trình vận hành, chiến lược kinh doanh phù hợp với các quy định ban hành.



## CÁC RỦI RO



“ **GIẢI PHÁP TRỌN GÓI NGÀNH XI MẠ** ”



### RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành công nghiệp Việt Nam đang tăng trưởng mạnh mẽ với mục tiêu công nghiệp hiện đại đến năm 2030. Thị trường cung cấp thiết bị sản xuất và xi măng từ đó cũng phát triển nhanh chóng dẫn đến nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này, tạo nên sự cạnh tranh gay gắt, đòi hỏi các doanh nghiệp phải liên tục đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Để tăng khả năng cạnh tranh trong ngành, Ha Lô luôn nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại vào trong sản xuất để đạt được sản phẩm đáp ứng nhu cầu về thiết bị tân tiến, tối ưu trên thị trường hiện nay. Đồng thời, Công ty đề cao trải nghiệm, ý kiến đóng góp từ phía khách hàng để điều chỉnh sản phẩm và đưa ra những chính sách phù hợp với từng đối tượng khác nhau.

### RỦI RO KHÁC

Những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro có xác suất xảy ra rất thấp nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các rủi ro này khi xảy ra sẽ gây thiệt hại nặng nề về tài sản, con người và làm gián đoạn tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.

Nhận thấy sự cần thiết trong việc đề phòng những rủi ro bất thường, Công ty chủ động mua bảo hiểm cho tài sản và người lao động, cải thiện cơ sở vật chất đảm bảo an toàn cho công nhân an tâm làm việc. Công ty mời các đội cứu nạn cứu hộ về tuyên truyền, huấn luyện các kiến thức cơ bản và kỹ năng thoát hiểm, ứng biến khi có các sự cố như cháy nổ xảy ra.



## **2** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



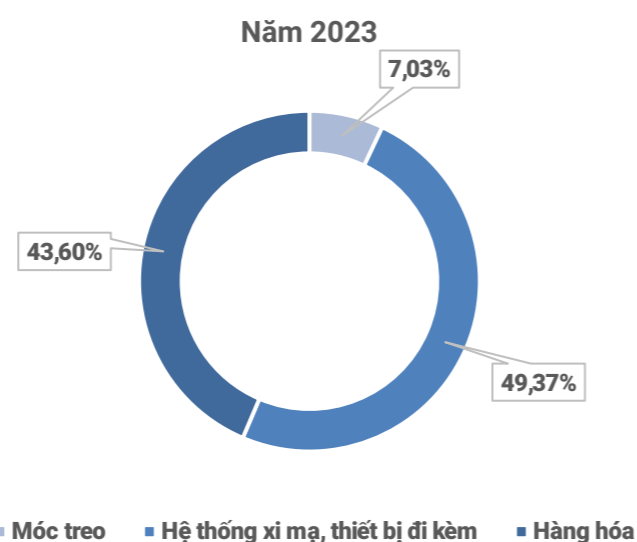
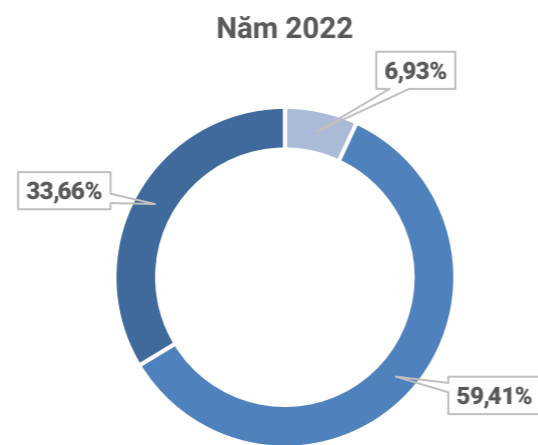
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2022		Năm 2023		% tăng, giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Móc treo	9.646	6,93%	7.075	7,03%	-26,66%
Hệ thống xi mạ, thiết bị đi kèm	82.753	59,41%	49.650	49,37%	-40%
Hàng hóa	46.889	33,66%	43.846	43,60%	-6,49%
<b>Tổng cộng</b>	<b>139.288</b>	<b>100%</b>	<b>100.570</b>	<b>100%</b>	<b>-27,80%</b>

Trong bối cảnh Việt Nam và cả thế giới đang đối mặt với suy thoái kinh tế, CTCP Công nghệ Ha Lô cũng chịu nhiều tác động trực tiếp và gián tiếp. Trong năm 2023, do nhu cầu khách hàng giảm, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 100,57 tỷ đồng, giảm 27,8 so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu mảng hệ thống xi mạ chiếm tỷ trọng khá cao 49,37% trong cơ cấu tổng doanh thu và giảm 40% so với năm 2022. Doanh thu các mảng còn lại của Công ty đều giảm. Doanh thu từ mảng hàng hóa đạt 43,85 tỷ đồng, chiếm 43,6% tổng doanh thu thuần, giảm 6,49% so với năm 2022. Doanh thu mảng móc treo đạt 7,07 tỷ đồng, chiếm 7,03% tổng doanh thu, giảm 26,66% so với cùng kỳ.



### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	% TH 2023/2022	% TH/KH 2023
Vốn điều lệ	80.000	80.000	80.000	100%	100%
Doanh thu thuần	139.288	100.570	153.220	72,2%	65,64%
Lợi nhuận sau thuế	16.628	5.431	18.500	32,66%	29,36%

Năm 2023, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô ghi nhận 100,57 tỷ đồng doanh thu thuần và 5,43 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 65,64% và 29,36% kế hoạch. Nguyên nhân chính khiến Công ty chưa hoàn thành được mục tiêu đề ra là do tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, chưa phục hồi như kỳ vọng ban đầu của Công ty. Nhiều khách hàng tiềm năng của Công ty cắt giảm sản lượng, đặc

biệt là một số công trình lớn đã báo giá để triển khai trong năm qua nhưng bị tạm ngưng khiến HLO thiếu đơn hàng để sản xuất. Công ty cũng gặp phải khó khăn khi giá cả biến động khó lường, làm thu hẹp biên lợi nhuận. Cụ thể, nhiều công trình giảm giá nhiều trong khi chi phí đầu vào có xu hướng tăng cao.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Kỷ Minh Du	Tổng giám đốc	3.567.190	44,59%
Hà Lệ Phương	Phó Tổng giám đốc	238.010	2,98%
Chang Chia Lin	Phó Tổng giám đốc kinh doanh	0	0%
Zang Jian Jun	Phó Tổng giám đốc	0	0%
Lê Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	80.000	1%

#### ÔNG KỶ MINH DU

##### Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1970  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật  
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1995 đến 2001	Sang Việt Nam học tiếng Việt và tìm hiểu thị trường Việt Nam
Từ 2002 đến 2004	Nhân viên tại DNTN Việt Nhất
Từ 2005 đến 2006	Nhân viên tại Công ty TNHH Việt Nhất 3
Từ 2006 đến 2012	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Việt Nhất 3
Từ 2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp Việt Nhất
Từ 2007 đến 2013	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xây dựng Việt Nhất
Từ 2013 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Việt Nhất
Từ 2016 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ Ha Lô
Từ 2016 đến 2021	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ Ha lô
Từ 2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ Ha lô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp Việt Nhất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : 3.567.190 cổ phần, chiếm 44,59% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

- Vợ: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10% vốn điều lệ
- Chị gái: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1% vốn điều lệ
- Anh rể: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 5% vốn điều lệ

#### BÀ HÀ LỆ PHƯƠNG

##### Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1959  
 Trình độ chuyên môn : Không  
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1980 đến 1993	Kinh doanh tự do trong lĩnh vực gốm sứ
Từ 1994 đến 1999	Giáo viên tiếng Trung tại trường tiểu học Tân Dân
Từ 2000 đến 2006	Giám đốc Công ty TNHH Việt Nhất
Từ 2007 đến nay	Giám đốc CTCP Công Nghiệp Việt Nhất
Từ 10/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ Ha Lô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc CTCP Công nghiệp Việt Nhất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : 238.010 cổ phần, chiếm 2,98% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Em: Hà Tịnh Nhi: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Em: Hà Trọng Cảnh: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Em: Hà Trọng An: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Em: Hà Trọng Thiêm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ

#### ÔNG CHANG CHIA LIN

##### Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Năm sinh : 1978  
 Trình độ chuyên môn : Không có  
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1999 đến 2007	Quản lý sản xuất Công ty Danh Tường
Từ 2007 đến 06/2009	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Đài Triển
Từ 2009 đến 2017	Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Hưng Nhất
Từ 2017 đến nay	Làm việc tại bộ phận kinh doanh CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Công nghệ Ha Lô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### ÔNG ZHANG JIAN JUN

#### Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1973  
 Trình độ chuyên môn : Đại học - Chuyên ngành kỹ thuật cơ điện  
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1992 đến 1995	Học chuyên ngành kỹ thuật cơ điện tại Đại học Công nghệ Thiệu Dương
Từ 1995 đến 1996	Công việc phay/tiện tại Xưởng dụng cụ ăn, Thành Phố Nam Hải, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
Từ 1996 đến 2003	Trưởng phòng cơ khí (sửa chữa, lắp ráp, chế tạo thiết bị dùng cho xưởng xi mạ) làm việc tại Công ty hữu hạn nguyên vật liệu xi mạ Thiên Thành, Thành Phố Đông Quan, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
Từ 2003 đến 2014	Tổng Giám Đốc tại Công ty Thiết bị Cơ khí Liên Hưng Thành Phố Đông Quan, Thiết bị xử lý bề mặt kim loại, mua bán, sản xuất,
Từ 2014 đến 2018	Tổng Giám Đốc tại Công ty Thiết Bị Cơ Khí Dự Hân, Thành Phố Đông Quan, Trung Quốc
Từ 2019 đến nay	Làm việc tại CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Công nghệ Ha Lô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

### BÀ LÊ THỊ HỒNG THẨM

#### Kế toán trưởng

Năm sinh : 1979  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 2003 đến 2004	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây Dựng Miền Nam
Từ 2004 đến 2007	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Việt Nhất_Tân Phú
Từ 2008 đến 2009	Kế toán trưởng Công ty TNHH Việt Nhất_Tân Phú
Từ 2009 đến 2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH Surtec Việt Nam
Từ 2013 đến 2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH CNC Sài Gòn
Từ 2016 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Xây Dựng Việt Nhất
Từ 2014 đến 2023	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công Nghệ Ha Lô
Từ 2016 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Công nghệ Ha Lô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Kế toán trưởng CTCP Xây Dựng Việt Nhất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : 80.000 cổ phần – tỷ lệ: 1% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Em gái: Lê Thị Thúy Liên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chồng: Nguyễn Xuân Phú: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chị gái: Lê Thị Thanh Hồng: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Em trai: Lê Chí Tâm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ

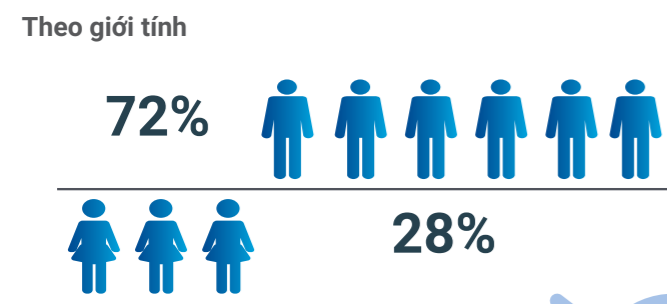




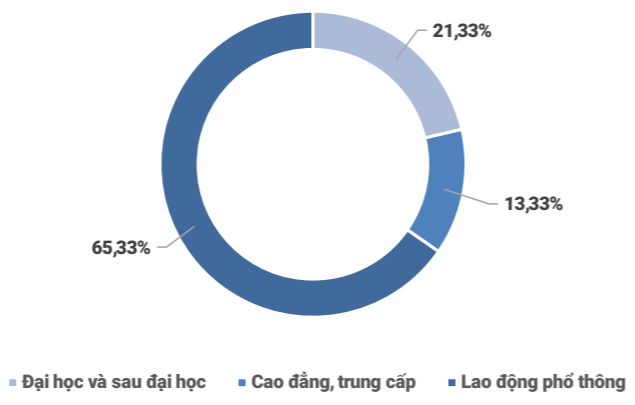
# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

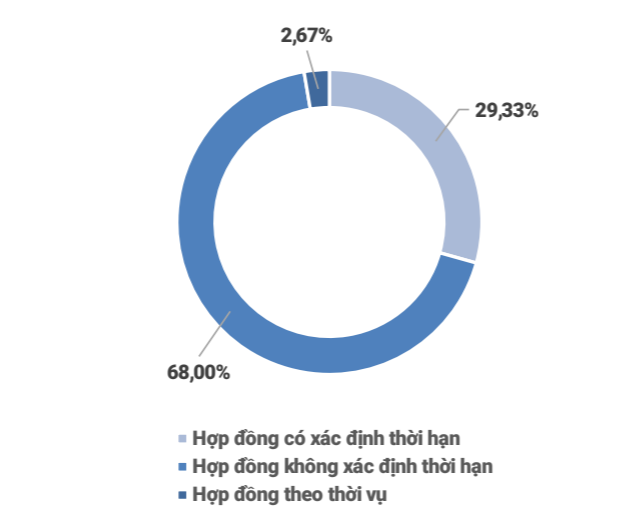
Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>Theo trình độ</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>
Đại học và sau đại học	16	21,22%
Cao đẳng, trung cấp	10	13,33%
Lao động phổ thông	49	65,33%
<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>
Hợp đồng có xác định thời hạn	22	29%
Hợp đồng không xác định thời hạn	51	68%
Hợp đồng theo thời vụ	2	2,67%
<b>Theo giới tính</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>
Nam	55	72%
Nữ	21	28%



Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### Về tuyển dụng

Công ty lên kế hoạch về biên chế nhân sự mỗi năm tùy thuộc vào nhu cầu lao động của từng bộ phận, từng giai đoạn thị trường. Từ đó, Công ty công bố thông tin tuyển dụng qua nhiều nguồn khác nhau và triển khai kiểm tra trình độ kỹ lưỡng để bố trí công việc phù hợp cũng như đào tạo kỹ năng cần thiết.



### Về đào tạo

Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, bồi dưỡng. Người lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của công việc. Các chương trình đào tạo được triển khai bài bản không chỉ nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc trong từng thời điểm mà còn giúp cán bộ công nhân viên chuẩn bị hành trang tốt nhất cho lộ trình phát triển bản thân trong tương lai. Chất lượng nhân sự được đảm bảo góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty, tránh tình trạng quản lý lỗi thời và giúp giải quyết các vấn đề về tổ chức.

### Môi trường công việc

Để xây dựng đội ngũ nhân sự không chỉ có tay nghề cao mà còn duy trì tinh thần tốt, Công ty chú trọng vào việc tạo nên môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, công bằng thông qua tuân thủ các yêu cầu của luật pháp và tiêu chuẩn quốc tế về lao động. Ngoài ra, Công ty luôn cung cấp đầy đủ trang thiết bị cho nhân sự phát huy tối đa khả năng và phương tiện bảo hộ đầy đủ cho công nhân để đảm bảo an toàn lao động.

### Lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty xây dựng chính sách lương dựa trên thang bảng lương của Nhà nước và các đơn vị cùng ngành, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng chế độ, chính sách quy định theo quy định pháp luật hiện hành và có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công đóng góp cho Công ty. Các chính sách đãi ngộ thể hiện sự quan tâm của Công ty đến đời sống vật chất, tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên, tạo nên sự gắn bó và cống hiến lâu dài.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	167.945	149.768	-10,82%
Doanh thu thuần	139.288	100.570	-27,80%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.931	5.671	-72,91%
Lợi nhuận khác	197	786	+298,87%
Lợi nhuận trước thuế	21.128	6.457	-69,44%
Lợi nhuận sau thuế	16.628	5.431	-67,34%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Các ngành sản xuất ở Việt Nam và trên toàn cầu chứng kiến bức tranh âm ảm đạm xuyên suốt năm 2023. Chỉ số sản xuất tiêu dùng (IIP) của Việt Nam ghi nhận ở mức âm trong những tháng đầu năm và chỉ phục hồi nhẹ cho đến cuối năm. Là một doanh nghiệp chuyên về thiết bị phụ trợ cho ngành sản xuất, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô khó tránh khỏi sự suy thoái khi các doanh nghiệp sản xuất khác

cắt giảm công suất do không đủ đơn hàng để duy trì hoạt động. Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 100,57 tỷ đồng, giảm 27,8% so với năm trước. Trong khi đó, chi phí sản xuất và các chi phí vận hành khác vẫn neo cao khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty suy giảm mạnh 67,34%, chỉ đạt 5,4 tỷ đồng cả năm 2023.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,94	6,03
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,36	3,58
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,57	11,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,58	13,37
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,61	1,57
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,85	0,63
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,94	5,40
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,05	4,20
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,19	3,42
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,03	5,64





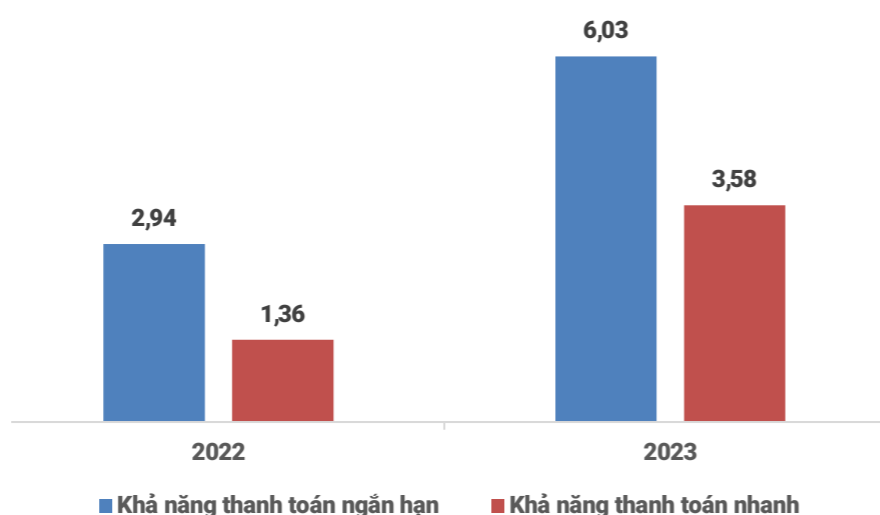
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

#### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

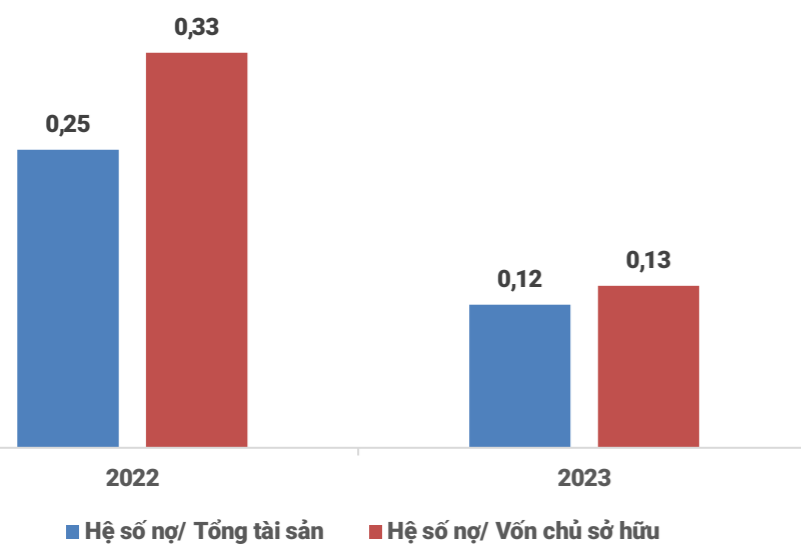
Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của HLO đều tăng trong năm 2023. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,94 lần lên 6,03 lần. Yếu tố chính tác động đến chỉ số là Nợ ngắn hạn ghi nhận ở mức 17,32 tỷ đồng, giảm 57,56% so với năm 2022. Trong đó, các khoản chiếm tỷ trọng cao như Phải trả người bán và Người mua trả tiền trước giảm lần lượt 49% và 90,14% so với cùng kỳ.

Sự giảm mạnh của Nợ ngắn hạn cũng khiến Hệ số thanh toán nhanh của Công ty tăng từ 1,36 lên 3,58 lần. Lượng tài sản có tính thanh khoản cao tăng lên cũng góp phần vào sự gia tăng của chỉ số này. Đặc biệt là Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 5 lần từ 3 tỷ đồng lên 15 tỷ do Công ty ưu tiên gửi tiền để hưởng lãi suất ngân hàng khi thị trường trì trệ và chưa có nhu cầu hoạt động sản xuất nhiều.



#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

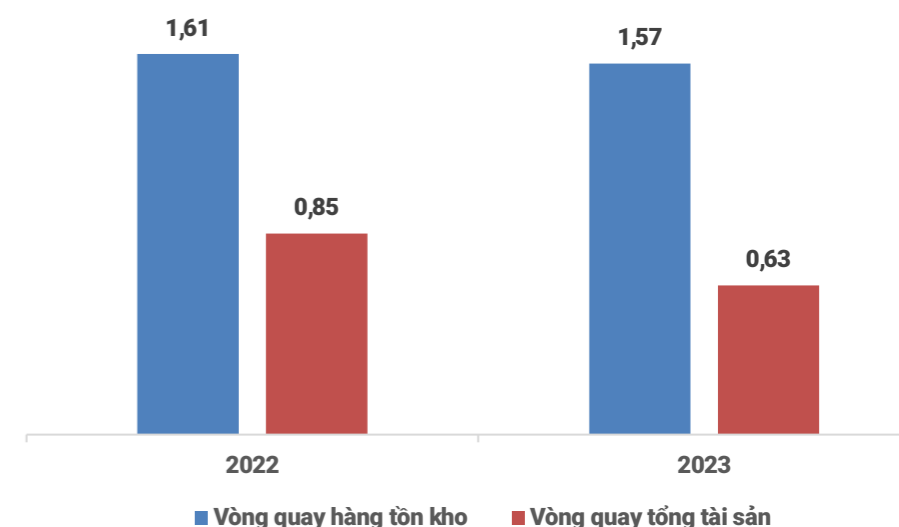
Hệ số Nợ trên tổng tài sản và Nợ trên vốn chủ sở hữu ghi nhận mức giảm hơn gấp đôi lần lượt xuống 11,87% và 13,55%. Điều này đến từ khoản phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm mạnh làm suy giảm 57,2% trong Nợ ngắn hạn của Công ty từ 41,27 tỷ đồng xuống 17,66 tỷ đồng. Nợ dài hạn không có sự thay đổi trong năm qua, Vốn chủ sở hữu cũng chỉ thay đổi nhẹ, tăng 3,56% so với 2022.



#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm 2023 của Công ty duy trì ổn định. Vòng quay hàng tồn kho của HLO giảm nhẹ sau 1 năm, giảm từ 1,61 vòng xuống còn 1,57 vòng vào năm 2023, cho thấy sự quản lý hàng tồn kho tốt dù thị trường đi vào chu kỳ khắc nghiệt.

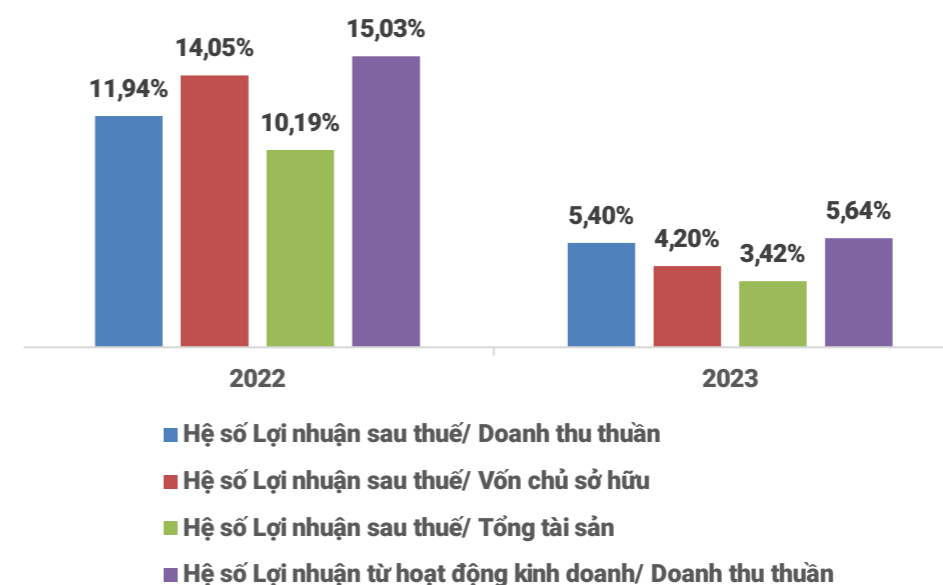
Vòng quay tổng tài sản của Công ty giảm từ 0,85 vòng xuống 0,63 vòng, thể hiện hiệu quả sử dụng nguồn vốn giảm đi. Doanh thu thuần của HLO giảm 27,8% so với năm trước do thiếu hụt đơn đặt hàng và nhiều công trình bị giảm giá, trong khi đó, Tổng tài sản chỉ giảm 10,82%, vì vậy chỉ số này ghi nhận ở mức thấp hơn năm 2022.



#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

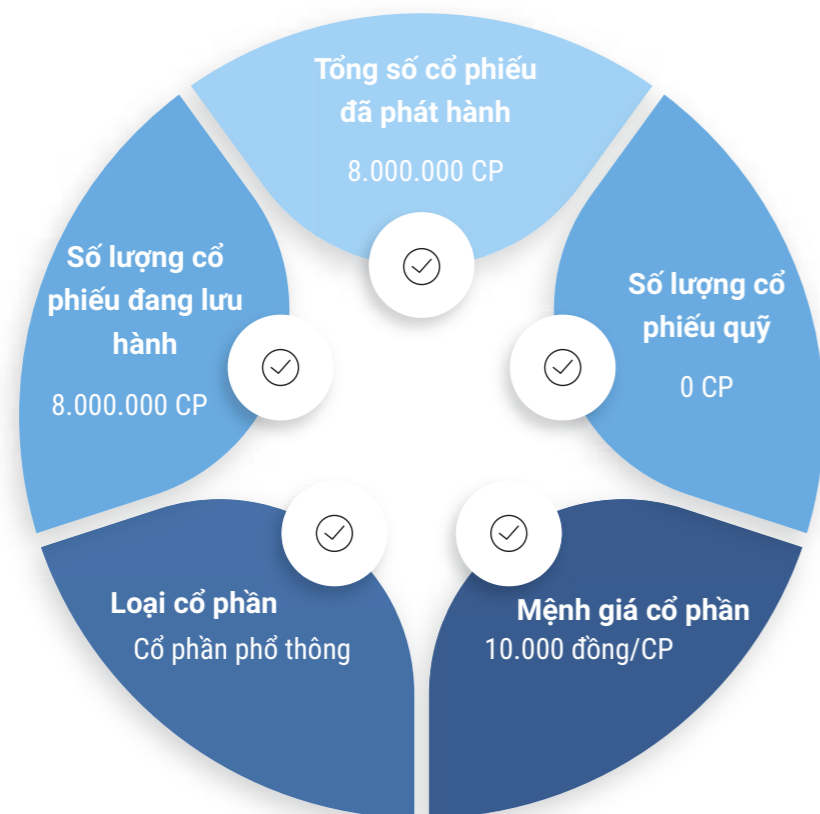
Các hệ số khả năng sinh lời của Công ty đều chứng kiến sự suy giảm mạnh do tình hình hoạt động khó khăn, các loại chi phí đều giảm không đáng kể trong khi giá trị và sản lượng bán hàng giảm mạnh.

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm 6,54 điểm % từ 11,94% còn 5,40%;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân giảm 9,85 điểm % từ 14,05% còn 4,20%;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân giảm 6,77 điểm % từ 10,19% còn 3,42%;
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm 9,39 điểm % từ 15,03% còn 5,64%.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.851.800</b>	<b>48.518</b>	<b>60,65%</b>
1	Cá nhân	4.851.800	48.518	60,65%
2	Tổ chức	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3.148.200</b>	<b>31.482</b>	<b>39,35%</b>
1	Cá nhân	2.348.200	23.482	29,35%
2	Tổ chức	800.000	8.000	10%
<b>Tổng cộng (II+III)</b>		<b>8.000.000</b>	<b>80.000</b>	<b>100%</b>

Theo Công văn số 6637/UBCK-PTTT ngày 05/10/2023 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại HLO là: 100%

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ trước tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn
-	Tháng 10/2014	-	-	10	Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014	Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập Công ty
1	Tháng 07/2016	10	16	26	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14/07/2016	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
2	Tháng 10/2016	26	14	40	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 19/09/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 03/10/2016	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
3	Tháng 01/2018	40	20	60	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2018 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2018	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
4	Tháng 01/2019	-	20	80	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/QĐ ngày 30/10/2018 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 16/01/2019	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

### CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, Công ty nhận thức được bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp mà còn là nền tảng phát triển bền vững trong tương lai. Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô cung cấp thiết bị phục vụ cho ngành xi mạ và hệ thống xử lý nước thải trong quá trình xi mạ của các nhà máy hoạt động trong lĩnh vực xi mạ. Vì thế, Ha Lô tin rằng bảo vệ môi trường là nhiệm vụ tiên quyết cần thực hiện bên cạnh phát triển kinh tế. Công ty luôn đi theo những chiến lược kinh doanh gắn liền với công tác bảo vệ môi trường như tuân thủ các chính sách, pháp luật để đảm bảo không vi phạm các vấn đề pháp lý, duy trì tiến độ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành xanh hóa quy trình sản xuất thông qua việc kiểm soát chặt chẽ các khâu sản xuất để đảm bảo tiết kiệm năng lượng và tránh vi phạm các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty đã triển khai rất kỹ lưỡng các khâu về kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu, ưu tiên các chất liệu có nguồn gốc thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng và người lao động. Công đoạn nhập kho và bảo quản hàng hóa cũng được sát sao để tránh tình trạng hư hỏng hay thiệt hại về chất lượng. Công ty còn thiết lập một quy trình sản xuất hiệu quả và đầu tư vào trang thiết bị sản xuất hiện đại, giúp tối ưu hóa lượng nguyên phụ liệu để vừa mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, vừa giảm rác thải thừa phân tán ra môi trường.

### TIÊU THỤ NƯỚC

Năm 2023, Công ty sử dụng tổng cộng 4.635 m<sup>3</sup> nước, tương ứng với số tiền 67.161.150 đồng. Công ty luôn đặt ra hạn mức sử dụng nước hợp lý cho hoạt động ở nhà máy hay khu vực văn phòng để đảm bảo tối ưu nguồn nước. Công ty cùng toàn bộ người lao động nỗ lực sử dụng tiết kiệm tối ưu nguồn nước, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm năng lượng là vấn đề cấp thiết, nhận được sự quan tâm sâu sắc của nhiều doanh nghiệp, bao gồm cả Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô. Công ty đặt ra quy tắc nghiêm ngặt về việc tiết kiệm năng lượng không chỉ trong hoạt động sản xuất mà còn trong môi trường làm việc văn phòng. Mọi hoạt động được đặt ra mức tiêu chuẩn cụ thể để sử dụng điện một cách hiệu quả nhất. Mục tiêu của Ha Lô không chỉ là tiết kiệm chi phí mà còn là bảo vệ môi trường nên Công ty liên tục tìm kiếm các biện pháp tối ưu hóa tiêu thụ điện. Trong năm 2023, tổng lượng điện tiêu thụ của Công ty đạt 209.130 kW, tương đương mức chi phí 430.833.830 đồng, xấp xỉ mức chỉ tiêu mà Công ty đã đặt ra cho thấy sự nghiêm túc chấp hành nội quy tiết kiệm điện trong hoạt động và chứng minh sự cam kết của Ha Lô trong việc bảo vệ môi trường.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và Ha Lô nói riêng bắt buộc phải triển khai mục tiêu phát triển bền vững để tiếp nối xu hướng “xanh hóa” toàn cầu, đáp ứng được những quy định nghiêm ngặt của khách hàng về cam kết thực hiện trách nhiệm với môi trường, xã hội. Ha Lô nhận thức được trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp và luôn tuân thủ quy trình sản xuất xanh, mang lại sản phẩm an toàn cho sức khỏe con người, đồng thời cắt giảm chất thải ra môi trường. Công ty luôn tích cực tuyên truyền, đề cao tầm quan trọng của bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên nhằm nâng cao nhận thức, tránh các tình trạng gây ô nhiễm hay sử dụng năng lượng, nguyên liệu hao phí. Vì vậy, Công ty giữ vững được hình ảnh một tổ chức, tập thể tích cực trong cả công việc và hoạt động xây dựng môi trường xanh.



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	99	76	75
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.908.000	12.054.000	13.058.161

### Hoạt động đào tạo người lao động

Chương trình đào tạo, huấn luyện cho người lao động tại Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô được triển khai liên tục trong quá trình hoạt động. Các công nhân viên mới được đào tạo bài bản để dễ dàng thích nghi với quy trình, văn hóa làm việc của doanh nghiệp. Công ty tập trung đào tạo chuyên sâu, nâng cao kỹ năng sử dụng máy móc trong sản xuất và các nghiệp vụ khác về kinh doanh, văn phòng giúp cán bộ nhân viên có định hướng rõ ràng và phát triển, thăng tiến trong sự nghiệp. Ngoài ra, Ha Lô hỗ trợ cho nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài và mời giảng viên của một số trường đại học uy tín như Đại học Bách Khoa về giảng dạy trực tiếp cho người lao động tại trụ sở Công ty nhằm tăng cường kiến thức, kỹ năng cần thiết để gia tăng hiệu quả và sự đa năng, linh hoạt trong công việc.



## Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Để trở thành một doanh nghiệp ngày càng vững mạnh hơn, đội ngũ nhân lực đầy đủ và chất lượng là yếu tố tiên quyết cấu thành nên sự thành công đó. HLO tin rằng, ngoài đưa ra chiến lược kinh doanh đúng đắn, doanh nghiệp cần đảm bảo về lực lượng lao động để thực hiện mục tiêu đó. Chính vì vậy, Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc thoải mái, an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tập trung làm việc, giữ vững tinh thần trách nhiệm cao để đạt hiệu quả tốt. Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo đầy đủ phúc lợi theo quy định, quan tâm đến sức khỏe của cán bộ nhân viên nhằm tạo động lực cho toàn thể công ty cùng nhau phát triển, hướng tới mục tiêu chung của tập thể.



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty nhận thức được rằng, một doanh nghiệp vững mạnh không chỉ tăng trưởng tốt trong hoạt động kinh doanh mà còn giúp cho cộng đồng xung quanh ngày càng phát triển hơn. Sự ổn định của cộng đồng địa phương là nền tảng cho sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Công ty tạo nhiều công ăn việc làm, ưu tiên tuyển dụng người địa phương và từng bước nâng cao đời sống người lao động. Các trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn là sứ mệnh mà Công ty thực hiện và hướng đến kể từ những ngày đầu thành lập.



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh tại Việt Nam đang phát triển theo hướng tích cực, với sự hỗ trợ và khuyến khích từ UBCKNN. Thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động tài chính nhằm hỗ trợ phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường và xã hội. Việc phát triển thị trường vốn xanh đang được UBCKNN đặc biệt chú trọng, thông qua việc thúc đẩy các chính sách, quy định và khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về tài chính bền vững và ESG. Hiện nay, Công ty thường xuyên cập nhật và tiếp thu những thông báo mới nhất từ UBCKNN về thị trường vốn xanh, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ theo các hướng dẫn và quy định từ cơ quan quản lý.



### **3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2023



#### Thuận lợi

- Công ty cung cấp toàn diện các sản phẩm, dịch vụ chất lượng trong lĩnh vực xi mạ đáp ứng nhu cầu của các khách hàng và đối tác kinh doanh;
- Các trang thiết bị, máy móc, công nghệ của Công ty luôn được cập nhật và cải tiến tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành;
- Sự phối hợp đồng đều giữa các cổ đông, ban lãnh đạo Công ty và người lao động đã giúp Công ty tối ưu quy trình và nâng cao năng lực làm việc;
- Công ty luôn duy trì và chăm sóc tận tình các khách hàng lâu năm, tạo nền tảng cho sản phẩm đầu ra của Công ty ổn định;
- Vị trí kinh doanh và nơi đặt nhà xưởng thuận lợi trong việc vận chuyển, phân phối và bán hàng;
- Các quy định về công tác bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe nên các thiết bị xử lý chất thải của Công ty ngày càng có tiềm năng tăng trưởng.



#### Khó khăn

- Công ty hoạt động kinh doanh trong ngành phụ trợ sản xuất công nghiệp, cho nên năm 2023 kinh tế tăng trưởng chậm lại cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nền kinh tế khó khăn, số lượng đơn hàng sụt giảm đáng kể;
- Nguồn đầu vào của Công ty chủ yếu nhập khẩu, giá nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào độ biến động của thị trường ngoại hối;
- Mức độ cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng cao.

### NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trải qua năm 2023 nhiều khó khăn khiến hiệu quả hoạt động kinh doanh suy giảm, tuy vậy, Công ty vẫn tiếp tục nỗ lực cải thiện những khía cạnh, yếu tố để đạt được hiệu quả tốt hơn trong tương lai. Cụ thể, Công ty đã cải tiến hệ thống máy móc hiện đại hơn, bắt kịp xu hướng công nghệ hiện nay và đủ điều kiện đáp ứng những tiêu chí cao từ khách hàng. Công ty cũng đa

dạng hóa nguồn nguyên vật liệu để đảm bảo hàng hóa ổn định về số lượng, giá cả trong thời kỳ chuỗi cung ứng toàn cầu dễ bị gián đoạn. Đội ngũ nhân lực được đào tạo, nâng cao chuyên môn để sẵn sàng tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.





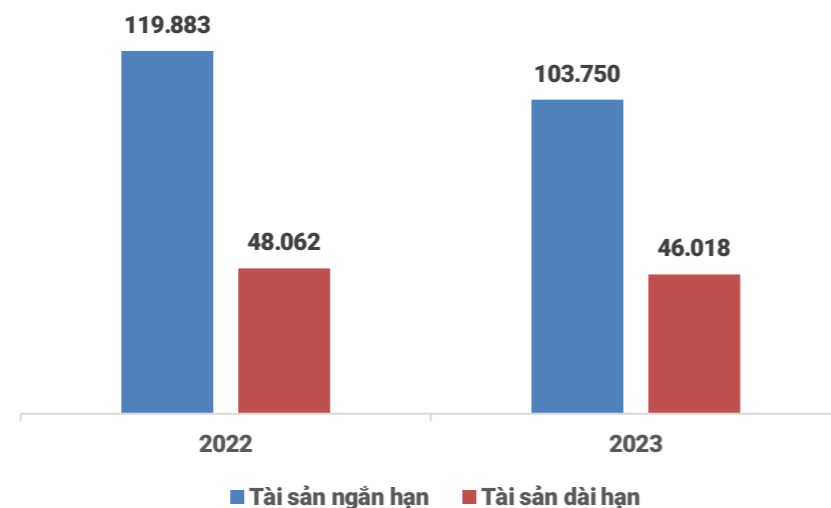
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	119.883	71,38%	103.750	69,27%	-13,46%
Tài sản dài hạn	48.062	28,62%	46.018	30,73%	-4,25%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>167.945</b>	<b>100%</b>	<b>149.768</b>	<b>100%</b>	<b>-10,82%</b>

Năm 2023, Tổng tài sản của HLO ghi nhận mức suy giảm 10,82% từ 167,95 tỷ đồng xuống còn 149,77 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự sụt giảm hàng tồn kho do diễn biến xấu từ thị trường chung khiến hoạt động sản xuất và tích trữ hàng hóa giảm đi. Cụ thể, khoản mục này giảm mạnh 34,58% từ 64,5 tỷ đồng xuống còn 42,19 tỷ đồng. Các đối tác cũng cắt giảm tương đối lượng đơn đặt hàng khiến Phải thu khách hàng giảm từ 16,86 tỷ xuống 12,95 tỷ, tương ứng 23,19%.

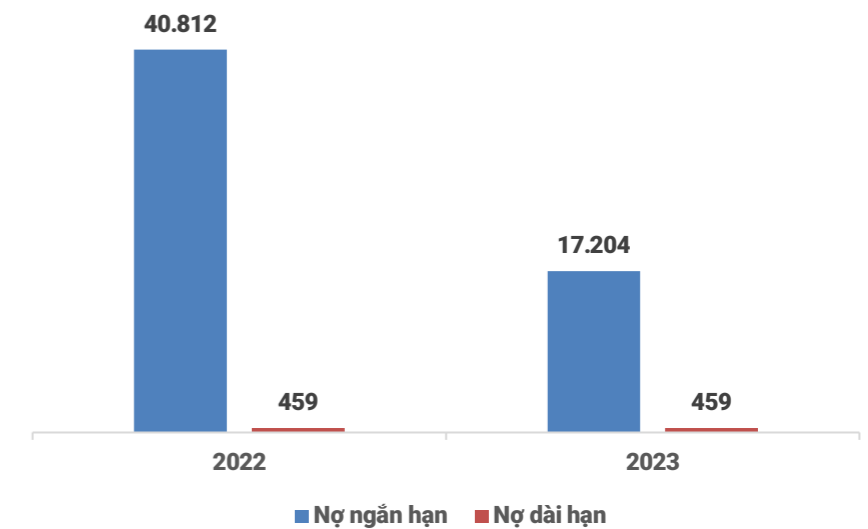


### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	40.812	98,89%	17.204	97,4%	57,85%
Nợ dài hạn	459	1,11%	459	2,6%	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>41.271</b>	<b>100%</b>	<b>17.663</b>	<b>100%</b>	<b>57,85%</b>

Cuối năm 2023, Công ty ghi nhận Tổng nợ phải trả là 17,66 tỷ đồng, giảm 57,85% so với cùng kỳ. Nợ dài hạn của HLO giữ nguyên ở mức 459 triệu đồng, trong khi đó, Nợ ngắn hạn giảm 57,85% từ 40,81 tỷ đồng xuống 17,2 tỷ đồng. Trong đó, sự suy giảm đáng kể nhất là khoản Phải trả người bán và Người mua trả tiền trước, lần lượt giảm xuống còn 10,98 tỷ đồng (giảm 49%) và 631 triệu đồng (giảm 90,14%). Điều này được lý giải bởi sự đi xuống trong tình hình sản xuất kinh doanh khi nhu cầu của khách hàng thấp và hoạt động mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cũng giảm theo.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ý thức được tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, Công ty tiếp tục thực hiện các công tác cải thiện yếu tố này, nhất là trong giai đoạn khó khăn vừa qua:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, sắp xếp bố trí lao động, cán bộ quản lý phù hợp hơn.
- Sắp xếp lại các bộ phận gián tiếp khoa học và hợp lý hơn.
- Tập huấn kiến thức quản lý hiện đại, bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với TH 2023
Doanh thu thuần	100.570	130.742	30%
Lợi nhuận sau thuế	5.431	13.074	140,75%
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

### Đối với hoạt động kinh doanh

- Tận dụng những lợi thế và nguồn lực hiện có của Công ty; đồng thời, nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ khách hàng.
- Tập trung tìm kiếm mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận.
- Tiếp tục áp dụng các chính sách ưu đãi, thu hút khách hàng, đồng thời xem xét hỗ trợ khách hàng theo điều kiện thực tế; xây dựng các kế hoạch tiếp thị, giải pháp kinh doanh để nâng cao hiệu quả các mảng kinh doanh.
- Dự báo, đánh giá tình hình thị trường, kết quả thực hiện thường xuyên, định kỳ để có biện pháp ứng phó thích hợp với những biến động có thể xảy ra, giảm thiểu rủi ro đến hoạt động của Công ty.
- Kiểm soát chi phí, xem xét đầu tư theo nhu cầu thực tế trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư cũng như chuẩn bị tốt khi điều kiện thị trường thuận lợi.

### Đối với hoạt động nghiên cứu

- Tích cực nghiên cứu các sản phẩm mới để đáp ứng kịp tốc độ phát triển về khoa học và kỹ thuật hiện nay.
- Tích cực quan tâm nghiên cứu các sản phẩm hướng tới việc bảo vệ môi trường (là một trong các vấn đề cấp bách nhất của Việt Nam nói riêng và Thế giới nói chung).

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có





# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Hiểu được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh gắn liền với các lợi ích về môi trường. Công ty tích cực nghiên cứu các giải pháp giảm chất thải ra ngoài công cộng, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường. Các buổi tuyên truyền về trách nhiệm xây dựng môi trường xanh, sạch được tổ chức hàng năm, khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên tiết kiệm điện, nước trong cả quá trình hoạt động sản xuất và công việc văn phòng.



## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty rất quan tâm đến việc điều chỉnh chính sách cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng, tinh thần cho cán bộ nhân viên. Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với từng công việc và trình độ khác nhau giúp nhân viên dễ dàng tiếp cận với các quy trình hoạt động của doanh nghiệp. Công ty cũng tổ chức các buổi khen thưởng, biểu dương các cán bộ có thành tích cá nhân tốt, khuyến khích toàn đội ngũ lao động nâng cao hiệu quả trong công việc được giao.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Là một cá thể trong cộng đồng địa phương, Công ty luôn quan tâm đến sự phát triển của xã hội, con người quanh khu vực hoạt động. Công ty san sẻ một phần lợi nhuận để đóng góp cho các chương trình giúp đỡ hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi,... Qua đó, HLO xây dựng được hình ảnh đẹp của một doanh nghiệp không chỉ phát triển về hoạt động kinh doanh mà còn giúp cộng đồng đi lên.



## 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

---

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Dựa trên kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty chưa hoàn thành được các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo và các bộ phận đã thể hiện sự nỗ lực để duy trì hoạt động chung của Công ty vượt qua giai đoạn nhiều thách thức và mang về lợi nhuận cho Công ty.

### VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành dựa trên các tiêu chuẩn và quy định quốc tế giúp cho doanh nghiệp bảo toàn vốn, mang về một phần lợi nhuận trong thời kỳ kinh tế biến động mạnh. Cơ cấu tổ chức và lực lượng lao động cũng được Hội đồng quản trị cải thiện trong năm qua.

### VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn đưa ra những chiến lược kinh doanh được xem xét kỹ lưỡng về những tác động đến môi trường và cộng đồng. HLO xây dựng một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, đảm bảo chất lượng từ nguồn nguyên liệu đầu vào và kiểm soát lượng chất thải phát sinh trong quá trình vận hành. Vì vậy, Công ty mang đến cho khách hàng các sản phẩm an toàn cho con người và môi trường cũng như giảm thiểu khí thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng xung quanh.




## VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ Nghị quyết HĐQT, triển khai các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch, bảo đảm an toàn và duy trì hoạt

động kinh doanh Công ty liên tục.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong đảm bảo ổn định và duy trì sự tăng trưởng trong thời gian qua, đặc biệt là có sự chủ động cập nhật kịp thời thông tin chính sách và vĩ mô để từ đó đề ra các kế hoạch kinh doanh mang lại lợi ích cho Công ty. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc được HĐQT giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng quy định theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-  Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự;
-  Nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến;
-  Tối ưu hóa nguồn lao động, nguồn vốn để hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.



## **5** QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Lin Fu Lung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Kỷ Minh Du	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Hà Lệ Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Tsai, Ya-Hui	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Lee, Chien-Ta	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Nguyễn Thành Lanh	Thành viên Hội đồng quản trị
8	Chi Tsui Ling	Thành viên Hội đồng quản trị
9	Chao Leng Tso	Thành viên Hội đồng quản trị
10	Chi, Wei-Shiu	Thành viên Hội đồng quản trị



#### Ông Lin Fu Lung - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Vợ: Tsai Ya Hui: 1.000.000 cổ phần – tỷ lệ: 12,5% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Hung Nhất.

#### Ông Kỷ Minh Du - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 3.567.190 cổ phần – tỷ lệ: 44,59% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Vợ: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10% vốn điều lệ
    - Chị gái: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1% vốn điều lệ
    - Anh rể: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 5% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp Việt Nhất.
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có.

#### Bà Hà Lệ Phương - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 238.010 cổ phần – tỷ lệ: 2,98% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Em: Hà Tịnh Nhi: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em: Hà Trọng Cảnh: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em: Hà Trọng An: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em: Hà Trọng Thiêm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám đốc CTCP Công nghiệp Việt Nhất.

#### Bà Tôn Nữ Bảo Vy - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 238.010 cổ phần – tỷ lệ: 2,98% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Chồng: Kỷ Minh Du: 3.567.190 cổ phần – tỷ lệ: 44,59% vốn điều lệ
    - Em trai: Tôn Thất Duy Nguyên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Mẹ: Trần Thị Mạnh Kha: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em gái: Tôn Nữ Thảo Nguyên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Cha: Tôn Thất Sơn: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em gái: Tôn Nữ Bảo Uyên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Phó Giám đốc CTCP XD Việt Nhất.

#### Bà Tsai, Ya-Hui - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 1.000.000 cổ phần, chiếm 12,5% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan: Không có
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

#### Ông Lee Chien Ta - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 800.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan: Không có
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công Nghiệp Kiến Đạt.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông Nguyễn Thành Lanh - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 70.190 cổ phần – tỷ lệ: 0,88% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Vợ Lương Tiểu Bình: 8.010 cổ phần – tỷ lệ: 0,1% vốn điều lệ
    - Anh: Nguyễn Thành Lực: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

### Bà Chi Tsui Ling - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 328.200 cổ phần – tỷ lệ: 4,1% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Chồng: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 5% vốn điều lệ
    - Em trai: Kỷ Minh Du: 3.537.190 cổ phiếu – tỷ lệ: 44,21% vốn điều lệ
    - Con: Chi Wei Shiu: 620.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 7,75% vốn điều lệ
    - Con dâu: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh: 50 cổ phiếu – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em dâu: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Quản đốc CTCP Công nghiệp Việt Nhất.

### Ông Chao Leng Tso - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 400.000 cổ phần chiếm – tỷ lệ: 5% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Vợ: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1% vốn điều lệ
    - Con: Chi Wei Shiu: 620.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 7,75% vốn điều lệ
    - Con dâu: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh: 50 cổ phiếu – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
    - Em Dâu: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám Đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Triệu Nhất.

### Ông Chi Wei Shiu - Thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:
  - Sở hữu cá nhân: 620.000 cổ phần – tỷ lệ: 7,75% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - Bố: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phần – tỷ lệ: 5% vốn điều lệ
    - Mẹ: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phần – tỷ lệ: 4,10% vốn điều lệ
    - Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh: 50 cổ phiếu – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

## DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Thị Hồng Thắm	Thành viên Hội đồng quản trị		05/09/2023

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Các giải pháp, chính sách được xem xét kỹ lưỡng để phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị giúp giải quyết triệt để những khó khăn vướng mắc của Công ty. Hội đồng quản trị cũng theo dõi, đảm bảo việc thông tin được công bố trên website Công ty, Sở giao dịch chứng khoán,... theo đúng quy định để đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

#### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lin Fu Lung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	9	9/9	-
2	Ông Kỷ Minh Du	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
3	Bà Lê Thị Hồng Thắm	Thành viên Hội đồng quản trị	6	6/6	Miễn nhiệm ngày 05/09/2023
4	Bà Hà Lệ Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
5	Bà Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
6	Bà Tsai, Ya-Hui	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0/9	Bận việc cá nhân
7	Lee, Chien-Ta	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
8	Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
9	Bà Chi Tsui Ling	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
10	Ông Chao Leng Tso	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-
11	Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên Hội đồng quản trị	9	9/9	-

#### Nội dung và kết quả các cuộc họp

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01/2023/NQ-HĐQT	05/01/2023	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan	100%
1A/2023/NQ-HĐQT	03/06/2023	Thông qua đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty và chốt danh sách cổ đông	100%
02/2023/NQ-HĐQT	30/06/2023	Về việc chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	100%
03/2023/NQ-HĐQT	18/07/2023	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2023	100%
04/2023/NQ-HĐQT	04/08/2023	Tiếp nhận đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT của bà Lê Thị Hồng Thắm	100%
05/2023/NQ-HĐQT	29/08/2023	Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 đã được cập nhật, đề cử chủ tọa ĐHĐCĐ bất thường năm 2023	100%
06/2023/NQ-HĐQT	04/10/2023	Về việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
07.1/2023/NQ-HĐQT	31/10/2023	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
07.2/2023/NQ-HĐQT	31/10/2023	Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	100%
07.3/2023/NQ-HĐQT	31/10/2023	Về việc thông qua Tầm nhìn, chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028 trong đó bao gồm kế hoạch quan hệ tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần Công Nghệ Ha Lô tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	100%
07.4/2023/NQ-HĐQT	31/10/2023	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty và Ban hành Quy chế công bố thông tin	100%
08/2023/NQ-HĐQT	01/12/2023	Về việc mua lại ô tô đã qua sử dụng	100%

### HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

### HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

## BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức vụ
Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên Ban Kiểm soát



#### Bà Lê Thị Lan Anh - Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:**
  - Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan: Không có
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

#### Bà Huỳnh Thị Phương Nam - Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:**
  - Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - + Chị Nguyễn Thị Bích Vân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

#### Bà Nguyễn Thị Ngọc Em - Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:**
  - Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người liên quan:
    - + Chồng Nguyễn Duy Thiện: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% vốn điều lệ
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

### DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Công ty không có sự thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm qua.

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, giám sát công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, giám sát việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và công tác lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình kinh doanh, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định Pháp luật.

#### Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty, qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện tốt hơn. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hợp tác chặt chẽ cùng Ban kiểm soát, cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu cần thiết và kịp thời. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trước khi tiến hành để hỗ trợ trong việc cung cấp hồ sơ, chứng từ và phân bổ nhân sự tham gia.

#### Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	2	2/2	-
2	Bà Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên Ban kiểm soát	2	2/2	-
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên Ban kiểm soát	2	2/2	-

#### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban kiểm soát đã tổ chức 2 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2023	27/02/2023	Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022. Nội dung báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Chỉ đạo định hướng triển khai hoạt động Kiểm toán nội bộ...
2	02/2023	28/12/2023	Tổng kết hoạt động năm 2023 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2024; Kế hoạch chủ trương lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Ông Kỷ Minh Du	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	645.000.000
2	Ông Chi Wei Shiu	Thành viên Hội đồng quản trị	313.965.565
3	Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên Hội đồng quản trị	653.867.693
4	Ông Chang Chia Lin	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	466.390.000
5	Zhang Jian Jun	Phó Tổng Giám đốc	446.549.667

Năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận thù lao

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có



### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH Hưng Nhất	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 3700811489, ngày cấp: 29/06/2007, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Lô B3, Ô 6, 12, Đường N2, Khu công nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Năm 2023	Nghị quyết HDQT số 01/2023/NQ-HDQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 5.717.224.000 đồng; Mua hàng hóa dịch vụ: 33.925.000 đồng
CTCP Công Nghiệp Việt Nhất	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 3700659499, ngày cấp: 26/08/2005, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Thửa đất 469, đường ĐT 747B, Tổ 6, khu phố Khánh Vân, Phường Khánh Bình, Tp.Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Năm 2023	Nghị quyết HDQT số 01/2023/NQ-HDQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 43.972.000 đồng; Mua hàng hóa dịch vụ: 33.840.587.144 đồng
Công ty TNHH Haola	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 1101852700, ngày cấp: 07/06/2017, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Long An	Lô Q1 Đường số 7, KCN Hải Sơn mở rộng (GĐ 3+4), Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Năm 2023	Nghị quyết HDQT số 01/2023/NQ-HDQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 610.000 đồng
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 3700426920, ngày cấp: 10/07/2022, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai	Lô C6, Đường số 7, KCN Long Bình, Phường Long Bình, Tp.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2023	Nghị quyết HDQT số 01/2023/NQ-HDQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 5.600.000 đồng
Công ty TNHH SX TM Minh Chất	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 0309262378, ngày cấp: 10/07/2009, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	25 Đường số 13, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp.HCM	Năm 2023	Nghị quyết HDQT số 01/2023/NQ-HDQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 5.328.121.000 đồng

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 0312038111, ngày cấp: 05/11/2012 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	48/5W Ấp Đông Lân 1, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 15.000.000 đồng
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 0105981649, ngày cấp: 28/08/2012 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Thửa đất số T194, Tờ bản đồ số, Lô đất M2, khu đấu giá 31ha, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 282.168.000 đồng
CTCP Môi trường Việt Nhất	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 3702704411, ngày cấp: 24/09/2018, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 1084, tờ bản đồ số 211, KDC Việt Sing, Phường Thuận Giao, Tp.Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 580.066.000 đồng
Công ty TNHH Triệu Nhất	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 3702203221, ngày cấp: 06/08/2013, nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 469, đường DT 747B, tổ 6, Khu phố Khánh Vân, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 1.728.000 đồng. Mua hàng hóa dịch vụ: 12.920.000 đồng
Công ty TNHH Kỹ Thuật và Xây	Người có liên quan của người nội bộ	Số ĐKDN: 0314119662, ngày cấp: 18/11/2016 nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	Số 9 Đường Số 2, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Tp.HCM	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 05/01/2023	Bán hàng hóa dịch vụ: 100.000.000 đồng

Ghi chú: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)



### Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô liên tục xây dựng và hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng tăng cường chỉnh sửa, bổ sung các quy trình và tiêu chí để đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, từ đó xem xét các thông lệ tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.





# 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính







MOORE AISC Auditing and Informatics  
Services Company Limited  
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4  
District 3, Ho Chi Minh City  
Viet Nam  
T (8428) 3832 9129  
F (8428) 3834 2957  
E info@aisc.com.vn  
www.aisc.com.vn

Số: C1123423-R/MOORE AISC-DNS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUỸ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Văn Tuyên  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0111-2023-005-1

Đỗ Thị Hằng  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4226-2023-005-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.750.030.369</b>	<b>119.883.177.452</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>29.123.429.776</b>	<b>29.116.224.414</b>
1. Tiền	111		5.123.429.776	5.116.224.414
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	24.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.000.000.000	3.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.092.094.043</b>	<b>19.665.156.437</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.953.371.373	16.863.198.370
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.883.950.389	2.795.236.794
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	463.611.781	181.973.973
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(208.839.500)	(175.252.700)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>42.192.275.919</b>	<b>64.495.170.454</b>
1. Hàng tồn kho	141		43.227.194.520	66.646.298.638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.034.918.601)	(2.151.128.184)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.342.230.631</b>	<b>3.606.626.147</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	84.178.785	199.708.597
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.258.051.846	3.406.917.550
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.017.585.801</b>	<b>48.062.104.514</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>9.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	9.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.902.719.506</b>	<b>33.932.891.811</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	31.542.179.587	33.746.419.311
- Nguyên giá	222		47.522.866.803	46.633.529.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.980.687.216)	(12.887.110.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	360.539.919	186.472.500
- Nguyên giá	228		558.050.000	318.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(197.510.081)	(131.577.500)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.114.866.295</b>	<b>14.120.212.703</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	14.114.866.295	14.120.212.703
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>149.767.616.170</b>	<b>167.945.281.966</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.662.894.278</b>	<b>41.271.171.733</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.203.519.278</b>	<b>40.811.796.733</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	10.981.288.769	21.532.565.574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	631.612.007	6.406.420.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.042.311.708	4.534.532.591
4. Phải trả người lao động	314		2.226.528.819	2.673.590.385
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	289.525.841	546.033.112
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.052.406.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		13.255.436	14.238.436
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14a	2.018.996.698	3.052.009.405
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>459.375.000</b>	<b>459.375.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14b	459.375.000	459.375.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>132.104.721.892</b>	<b>126.674.110.233</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>132.104.721.892</b>	<b>126.674.110.233</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.104.721.892	42.674.110.233
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.674.110.233	26.046.570.966
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.430.611.659	16.627.539.267
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>149.767.616.170</b>	<b>167.945.281.966</b>


Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểuTỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 3 năm 2024

Lê Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởngKỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.808.640.050	139.331.653.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	238.188.670	43.830.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	100.570.451.380	139.287.823.812
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	83.988.433.310	104.010.992.851
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.582.018.070	35.276.830.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.913.146.884	799.021.337
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	111.418.599	172.733.182
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		108.615	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	7.271.402.127	9.096.796.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	5.441.481.285	5.875.604.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		5.670.862.943	20.930.718.881
11. Thu nhập khác	31	VI.8	810.691.527	197.378.814
12. Chi phí khác	32	VI.9	24.401.540	250.946
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		786.289.987	197.127.868
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.457.152.930	21.127.846.749
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.026.541.271	4.500.307.482
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.430.611.659	16.627.539.267
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	679	2.078
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	679	2.078

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểu

Lê Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởng

Kỷ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.457.152.930	21.127.846.749
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	3.213.213.073	3.014.590.829
- Các khoản dự phòng	03	V.3,6,14	(2.115.635.490)	2.461.018.678
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	83.362.904	(87.439.501)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.795.840.889)	(595.041.424)
- Chi phí lãi vay	06		108.615	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.842.361.143	25.920.975.331
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		6.075.579.106	5.683.729.718
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		23.419.104.118	(2.334.615.199)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(19.186.967.119)	(8.856.234.646)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		120.876.220	261.569.356
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(108.615)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(4.500.307.482)	(3.048.584.391)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.770.537.371	17.626.840.169
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.275.337.357)	(6.349.897.743)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.410.619.670	571.498.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.764.717.687)	(8.778.399.531)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	4.968.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(4.968.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		5.819.684	8.848.440.638
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.116.224.414	20.267.479.134
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.385.678	304.642
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	29.123.429.776	29.116.224.414

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểu

Lê Thị Hồng Thắm  
Kê toán trưởngKỳ Minh Du  
Tổng Giám đốcTỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 3 năm 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Mẫu số B 09 - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702308640 cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc cập nhật lại thông tin địa chỉ trụ sở chính.

**Trụ sở chính:** thửa đất số 1616, tờ bản đồ số 39, đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Bán buôn hóa chất xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp, máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp;

Sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất - chế tạo máy móc, thiết bị ngành công nghệ, hệ thống lọc nước, hệ thống khí thải, hệ thống xử lý nước thải;

Tư vấn và quản lý kỹ thuật xi mạ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật xi mạ;

Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng sắt, thép, đồng, inox và kim loại.

Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023:** 75 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 87 nhân viên).**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

##### Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2023: 24.080 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2023: 24.420 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bao gồm hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

##### Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất,...

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

##### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

###### 5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

###### Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

###### 5.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

###### Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

###### Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm	08 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa nhà xưởng, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất đơn vị phân bổ theo thời gian thuê đất là 600 tháng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước từ việc đã thực hiện cung cấp sản phẩm và lắp ráp dây chuyền, thiết bị cho khách hàng nhưng chưa hoàn thành chạy thử và nghiệm thu theo quy định trên hợp đồng.

Khi sản phẩm và dây chuyền thiết bị được nghiệm thu của hai bên thì doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển ghi nhận doanh thu từ hợp đồng cung cấp sản phẩm và lắp ráp dây chuyền được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành. Các khoản tăng/giảm khi thực hiện hợp đồng và các khoản khác chỉ được tính vào doanh thu khi được thống nhất với khách hàng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ, một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả (tiếp theo)**

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành công trình lắp đặt dây chuyền thiết bị là không quá 5% trên giá trị hợp đồng đối với công trình lắp đặt dây chuyền thiết bị.

**10. Nguyên tắc ghi nhận lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2023.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí bán hàng, chi phí hoa hồng đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Hội đồng Cổ đông hàng năm.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện và đo đánh giá lại cuối năm.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty đang áp dụng là 20%.

17. Công cụ tài chính

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Công cụ tài chính (tiếp theo)

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ và các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
<b>Tiền</b>	<b>5.123.429.776</b>	<b>5.116.224.414</b>
Tiền mặt	78.322.351	88.595.138
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.045.107.425	5.027.629.276
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (Lãi suất từ 1,9%/năm - 2%/năm)	24.000.000.000	24.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.123.429.776</b>	<b>29.116.224.414</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (Lãi suất 5,8%-6,8%/năm)	15.000.000.000	15.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	4.354.074.598	-	-	-
Công ty TNHH Ngũ kim Youde Việt Nam	1.022.393.400	-	4.229.536.030	-
Công ty TNHH Fullway	1.416.258.260	-	-	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	1.449.224.320	-	1.321.531.480	-
Khách hàng khác	4.711.420.795	(208.839.500)	11.312.130.860	(175.252.700)
<b>Cộng</b>	<b>12.953.371.373</b>	<b>(208.839.500)</b>	<b>16.863.198.370</b>	<b>(175.252.700)</b>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	2.744.280.000	-	2.744.280.000	-
Các nhà cung cấp khác	139.670.389	-	50.956.794	-
<b>Cộng</b>	<b>2.883.950.389</b>	<b>-</b>	<b>2.795.236.794</b>	<b>-</b>
5. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>463.611.781</b>	<b>-</b>	<b>181.973.973</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	14.620.000	-	110.500.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	448.991.781	-	71.473.973	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>
Kỹ quỹ dài hạn	-	-	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>463.611.781</b>	<b>-</b>	<b>190.973.973</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.584.826.031	(778.224.523)	26.956.355.525	(767.614.404)
Công cụ, dụng cụ	827.423.659	-	1.037.902.674	-
Chi phí SXKD dở dang	14.958.312.466	(256.694.078)	37.137.122.029	(1.383.513.780)
Thành phẩm	2.459.961.881	-	1.151.689.036	-
Hàng hóa	396.670.483	-	363.229.374	-
<b>Cộng</b>	<b>43.227.194.520</b>	<b>(1.034.918.601)</b>	<b>66.646.298.638</b>	<b>(2.151.128.184)</b>

- Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển và bị suy giảm giá trị tại thời điểm cuối năm: 4.609.082.164 VND.

- Giá trị hàng tồn kho sản xuất kinh doanh dở dang được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có.

7. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 33)

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản lý		Tổng cộng
	Giá trị	Dự phòng	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm		318.050.000	318.050.000
Mua trong năm	240.000.000	-	240.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>558.050.000</b>	<b>-</b>	<b>558.050.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm		131.577.500	131.577.500
Khấu hao trong năm	65.932.581	-	65.932.581
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>197.510.081</b>	<b>-</b>	<b>197.510.081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm		186.472.500	186.472.500
Số dư cuối năm		360.539.919	360.539.919

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: Không có.

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 80.000.000 VND.

9. Chi phí trả trước	31/12/2023	01/01/2023
	<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>84.178.785</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	23.132.299	88.676.021
Chi phí bảo hiểm trả trước	47.606.478	39.588.408
Chi phí trả trước khác	13.440.008	71.444.168
<b>b. Dài hạn</b>	<b>14.114.866.295</b>	<b>14.120.212.703</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	843.885.102	398.788.076
Chi phí thuê đất (*)	13.187.549.388	13.497.936.720
Chi phí sửa chữa nhà xưởng yếm phòng	83.431.805	223.487.907
<b>Cộng</b>	<b>14.199.045.080</b>	<b>14.319.921.300</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 9. Chi phí trả trước (tiếp theo)

(\*) Tiền thuê đất tại thửa đất số 1616, tờ bản đồ số 39, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để xây dựng nhà xưởng và văn phòng công ty, thời gian thuê đất là 50 năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (chi tiết xem Thuyết minh X.1).

10. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	5.493.388.292	5.493.388.292	3.984.371.293	3.984.371.293
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	3.090.523.950	3.090.523.950	2.480.597.080	2.480.597.080
Các đối tượng khác	2.402.864.342	2.402.864.342	1.503.774.213	1.503.774.213
<b>Nhà cung cấp nước ngoài (224.637,76 USD)</b>	<b>5.487.900.477</b>	<b>5.487.900.477</b>	<b>17.548.194.281</b>	<b>17.548.194.281</b>
Easy Good Co., Ltd.	5.487.900.477	5.487.900.477	15.459.948.349	15.459.948.349
Lucky Twins Co., Ltd.	-	-	1.397.756.325	1.397.756.325
Các đối tượng khác	-	-	690.489.607	690.489.607
<b>Cộng</b>	<b>10.981.288.769</b>	<b>10.981.288.769</b>	<b>21.532.565.574</b>	<b>21.532.565.574</b>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	53.500.000	-
Công ty TNHH Rich Fame	517.468.587	-
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	-	6.035.423.320
Các khách hàng khác	60.643.420	370.997.510
<b>Cộng</b>	<b>631.612.007</b>	<b>6.406.420.830</b>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.832.776.628	2.832.776.628	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.915.410	14.915.410	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.500.307.482	1.026.541.271	4.500.307.482	1.026.541.271
Thuế thu nhập cá nhân	34.225.109	432.909.260	451.363.932	15.770.437
Các khoản thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.534.532.591</b>	<b>4.310.142.569</b>	<b>7.802.363.452</b>	<b>1.042.311.708</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	191.341.391	506.949.892
Chi phí phải trả khác	98.184.450	39.083.220
<b>Cộng</b>	<b>289.525.841</b>	<b>546.033.112</b>

14. Dự phòng phải trả	31/12/2023	01/01/2023
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	2.018.996.698	3.052.009.405
<b>Cộng</b>	<b>2.018.996.698</b>	<b>3.052.009.405</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	459.375.000	459.375.000
<b>Cộng</b>	<b>459.375.000</b>	<b>459.375.000</b>

## 15. Vốn chủ sở hữu

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	4.000.000.000	26.046.570.966	110.046.570.966
Lợi nhuận	-	-	16.627.539.267	16.627.539.267
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>42.674.110.233</b>	<b>126.674.110.233</b>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	4.000.000.000	42.674.110.233	126.674.110.233
Lợi nhuận	-	-	5.430.611.659	5.430.611.659
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>48.104.721.892</b>	<b>132.104.721.892</b>

## b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Kỳ Minh Du	44,59%	35.671.900.000	35.671.900.000
Tsai Ya Hui	12,50%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tôn Nữ Bảo Vy	10,00%	8.000.000.000	8.000.000.000
Just Successful Inc	10,00%	8.000.000.000	8.000.000.000
Chi Wei Shiu	7,75%	6.200.000.000	6.200.000.000
Chao Leng Tso	5,00%	4.000.000.000	4.000.000.000
Các cổ đông khác	10,16%	8.128.100.000	8.128.100.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)	Năm 2023	Năm 2022
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu</i>	10.000	10.000
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Doanh thu bán hàng	44.044.242.800	47.251.048.910
Doanh thu lắp đặt	33.300.039.340	69.186.468.109
Doanh thu bán thành phẩm	23.464.357.910	22.894.136.793
<b>Cộng</b>	<b>100.808.640.050</b>	<b>139.331.653.812</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Hàng bán bị trả lại	-	42.750.000
Chiết khấu thương mại	143.309.420	-
Giảm giá hàng bán	94.879.250	1.080.000
<b>Cộng</b>	<b>238.188.670</b>	<b>43.830.000</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Doanh thu thuần bán hàng	43.806.054.130	47.207.218.910
Doanh thu thuần lắp đặt	33.300.039.340	69.186.468.109
Doanh thu thuần bán thành phẩm	23.464.357.910	22.894.136.793
<b>Cộng</b>	<b>100.570.451.380</b>	<b>139.287.823.812</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Giá vốn bán hàng	35.031.585.936	36.291.385.984
Giá vốn lắp đặt	34.028.841.751	50.915.665.344
Giá vốn của thành phẩm	16.044.215.206	14.652.813.339
Dự phòng (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.116.209.583)	2.151.128.184
<b>Cộng</b>	<b>83.988.433.310</b>	<b>104.010.992.851</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	1.788.137.478	595.041.424
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125.009.406	116.540.412
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	87.439.501
<b>Cộng</b>	<b>1.913.146.884</b>	<b>799.021.337</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lãi tiền vay	108.615	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.947.080	172.733.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	83.362.904	-
<b>Cộng</b>	<b>111.418.599</b>	<b>172.733.182</b>
<b>7. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	2.941.336.802	3.437.506.539
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.643.289	19.316.981
Chi phí khấu hao TSCĐ	501.090.992	488.109.489
Chi phí (hoàn nhập) bảo hành	-	896.602.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.466.697.844	4.111.697.843
<i>Chi phí hoa hồng</i>	1.253.687.246	1.840.837.809
<i>Chi phí thuê xe</i>	429.022.094	576.686.000
<i>Chi phí vận chuyển</i>	747.449.504	928.174.518
<i>Chi phí mua ngoài khác</i>	1.036.539.000	765.999.516
Chi phí bằng tiền khác	332.633.200	143.563.022
<b>Cộng</b>	<b>7.271.402.127</b>	<b>9.096.796.148</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	337.061.053	549.717.237
Chi phí nhân viên quản lý	2.900.316.856	3.265.224.306
Chi phí khấu hao TSCĐ	380.280.893	348.959.689
Thuế, phí và lệ phí	42.321.745	76.545.938
(Hoàn nhập)/dự phòng nợ phải thu khó đòi	33.586.800	(37.372.350)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.557.382.601	1.382.764.606
Chi phí bằng tiền khác	190.531.337	289.764.661
<b>Cộng</b>	<b>5.441.481.285</b>	<b>5.875.604.087</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.703.411	-
Thu nhập bảo hành	711.108.048	-
Thu nhập khác	91.880.068	197.378.814
<b>Cộng</b>	<b>810.691.527</b>	<b>197.378.814</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
<b>9. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	24.401.540	250.946
<b>Cộng</b>	<b>24.401.540</b>	<b>250.946</b>
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.301.052.879	62.189.237.471
Chi phí nhân công	15.661.801.601	20.775.686.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.213.213.073	3.014.590.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.681.282.171	9.276.025.388
Chi phí khác bằng tiền	808.690.109	728.540.548
<b>Cộng</b>	<b>44.666.039.833</b>	<b>95.984.080.521</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.457.152.930</b>	<b>21.127.846.749</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>(1.324.446.576)</b>	<b>1.373.690.661</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	61.172.882	1.425.848.776
+ Chi phí không được trừ	28.378.840	1.425.848.776
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản tiền và phải thu ngoại tệ năm trước	32.794.042	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.385.619.458)	(52.158.115)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản tiền và phải thu ngoại tệ cuối năm	(2.105.678)	(32.794.042)
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản tiền và phải thu ngoại tệ năm trước	-	(19.364.073)
+ Chi phí đã loại năm trước	(1.383.513.780)	-
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)</b>	<b>5.132.706.354</b>	<b>22.501.537.410</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.026.541.271</b>	<b>4.500.307.482</b>
<i>Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của Cơ quan thuế.</i>		
<b>12. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.430.611.659	16.627.539.267
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.430.611.659	16.627.539.267
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	679	2.078
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	679	2.078

(\*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## 1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

## Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

## Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

## 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	10.981.288.769	-	-	10.981.288.769
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	290.155.841	-	-	290.155.841
<b>Cộng</b>	<b>11.271.444.610</b>	-	-	<b>11.271.444.610</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	21.532.565.574	-	-	21.532.565.574
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	546.033.112	-	-	546.033.112
<b>Cộng</b>	<b>22.078.598.686</b>	-	-	<b>22.078.598.686</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đang thế chấp một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Công ty và cầm cố giấy tờ có giá của bên thứ ba tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để mở hợp đồng vay hạn mức. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện để nhận giải ngân khoản vay nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (Xem trang 34)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.968.000	-
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(4.968.000)	-

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, Công ty ký kết Hợp đồng nguyên tắc với các cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công để làm bằng chứng về việc cam kết và thực hiện thỏa thuận nhận chuyển nhượng 20% cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, các bên vẫn đang thực hiện hồ sơ pháp lý để hoàn tất việc nhận chuyển nhượng này.

Trong năm 2022, Công ty ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho giai đoạn 2022-2027. Theo đó:

- Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Công ty và cầm cố giấy tờ có giá của bên thứ ba để làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng nêu trên. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện để nhận giải ngân khoản vay nào.

- Công ty sẽ dùng nguồn vốn hiện có để thanh toán cho việc nhận chuyển nhượng 20% cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công. Nếu nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty không đủ để phục vụ cho hoạt động thì Công ty sẽ dùng đến dòng tiền vay từ ngân hàng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đã được ký kết này.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo công bố thông tin bất thường của Công ty tại ngày 02 tháng 01 năm 2024, Bà Tsai Ya Hui đã không còn là thành viên Hội đồng quản trị lý do đã qua đời. Tuy nhiên, cổ phần của Bà Tsai Ya Hui sẽ thực hiện thay đổi thông tin theo quy định của pháp luật trong tương lai gần.

Ngoài ra, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Kỳ Minh Du	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
Ông Lin Fu Lung	Chủ tịch HĐQT
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH SX TM Minh Chất	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Triệu Nhất	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Hưng Nhất	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Doanh thu bán hàng	43.972.000	596.386.820
	Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	33.804.440.144	31.841.283.606
Công ty TNHH SX TM Minh Chất	Doanh thu bán hàng	5.328.121.000	730.085.600
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Doanh thu bán hàng	15.000.000	296.685.000
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Doanh thu bán hàng	282.168.000	285.680.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Doanh thu bán hàng	580.066.000	362.694.000
	Chi phí lắp đặt	-	150.000.000
Công ty TNHH Hưng Nhất	Doanh thu bán hàng	5.717.224.000	8.405.511.600
	Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	33.925.000	741.365.000
Công ty TNHH Triệu Nhất	Doanh thu bán hàng	1.728.000	8.100.000
	Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	12.920.000	32.080.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Doanh thu bán hàng	-	33.930.000
	Thanh lý tài sản	100.000.000	-
	Chi phí sửa chữa	-	11.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất	Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	-	35.328.000
Tại ngày 31/12/2023 Công ty có số dư với các bên liên quan sau:			
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Bán hàng hóa, thành phẩm	2.391.640	15.974.630
Công ty TNHH SX TM Minh Chất	Bán hàng hóa, thành phẩm	185.858.000	47.568.400
Công ty TNHH Hưng Nhất	Bán hàng hóa, thành phẩm	1.260.974.680	897.588.130
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Bán hàng hóa, thành phẩm	-	360.400.320
<b>Cộng</b>		<b>1.449.224.320</b>	<b>1.321.531.480</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Ứng trước mua hàng	1.219.680.000	1.219.680.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Ứng trước mua hàng	1.524.600.000	1.524.600.000
<b>Cộng</b>		<b>2.744.280.000</b>	<b>2.744.280.000</b>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Công ty TNHH Triệu Nhất	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	(21.076.000)
Công ty TNHH Hưng Nhất	Mua hàng hóa, dịch vụ	(9.266.400)	(19.083.600)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Mua hàng hóa, dịch vụ	(3.081.257.550)	(2.440.437.480)
<b>Cộng</b>		<b>(3.090.523.950)</b>	<b>(2.480.597.080)</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Nhận tiền ứng bán hàng	(53.500.000)	-
<b>Cộng</b>		<b>(53.500.000)</b>	<b>-</b>
<b>+ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Thành viên hội đồng quản trị</b>			
<b>Tên thành viên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Ông Kỳ Minh Du	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	645.000.000	665.000.000
Ông Chi Wei Shiu	Thành viên HĐQT	313.965.565	348.438.472
Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên HĐQT	653.867.693	694.599.231
Ông Chang Chia Lin	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	466.390.000	519.827.500
Ông Zhang Jian Jun	Phó Tổng Giám đốc	446.549.667	543.934.333
<b>Cộng</b>		<b>2.525.772.924</b>	<b>2.771.799.537</b>

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp mua bán thiết bị, lắp đặt thiết bị dây chuyền xi mạ tại Bình Dương, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểuTỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 08 tháng 3 năm 2024Lê Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởngKỳ Minh Du  
Tổng Giám đốcCÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## V.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	18.928.102.442	17.064.811.918	5.983.832.723	919.156.000	1.100.000.000	2.637.626.363	46.633.529.446
Mua trong năm	541.330.390	113.151.411	380.855.556	-	-	-	1.035.337.357
Transfer, nhượng bán, ...	-	-	-	-	-	(146.000.000)	(146.000.000)
Số dư cuối năm	19.469.432.832	17.177.963.329	6.364.688.279	919.156.000	1.100.000.000	2.491.626.363	47.522.866.803
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	3.217.078.968	5.908.094.984	1.513.571.965	523.217.559	836.458.309	888.688.350	12.887.110.135
Khấu hao trong năm	640.500.842	1.464.108.491	542.750.820	85.183.322	137.499.996	277.237.011	3.147.280.492
Transfer, nhượng bán	-	-	-	-	-	(53.703.411)	(53.703.411)
Số dư cuối năm	3.857.579.810	7.372.203.475	2.056.322.785	608.400.891	973.958.305	1.112.221.950	15.980.687.216
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	15.711.023.474	11.156.716.934	4.470.260.758	395.938.441	263.541.691	1.748.938.013	33.746.419.311
Số dư cuối năm	15.611.853.022	9.805.759.854	4.308.365.494	310.755.109	126.041.695	1.379.404.413	31.542.179.587

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo trị các ngân hàng (chỉ tiết xem Thuyết minh IX.1); 2.302.717.097 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm để khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.529.417.071 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng	12.933.371.373	(208.839.500)	16.863.198.370	(175.252.700)
- Phải thu khác	448.991.781	-	80.473.973	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	29.123.429.776	-	29.116.224.414	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.525.792.930</b>	<b>(208.839.500)</b>	<b>49.059.896.757</b>	<b>(175.252.700)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Phải trả người bán	10.981.288.769	-	21.532.565.574	-
- Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	290.155.841	-	546.033.112	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.271.444.610</b>	<b>-</b>	<b>22.078.598.686</b>	<b>-</b>



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ**

Bình Dương, ngày 03 tháng 04 năm 2024




Tổng Giám đốc


Ký Minh Du




## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

---

 Thừa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc,  
Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

 0274.7301718

 02743.639738

 [www.halo.net.vn](http://www.halo.net.vn)